| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05/7/2023
V/v: "*Ly hôn, nuôi con*"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Võ Tấn Thành

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Phạm Văn Tư
2. Bà Dương Thị Phụng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thùy Nương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Không có.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2023, về việc "*Ly hôn, nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Trần Ngọc T, sinh năm 1976; địa chỉ số M, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

**** Bị đơn:*** Trương Quốc V, sinh năm 1964; địa chỉ số 151, khóm Tân Xuân, phường Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 11/8/2022 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Trần Ngọc T trình bày:

Sau khi tìm hiểu một thời gian và sống chung như vợ chồng từ năm 1995, đến ngày 14/11/2007 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã V, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm; ông V thường xuyên chửi mắng, xúc phạm bà; vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V. Về con chung, có 03 con chung tên Trương Trần Trung H, sinh ngày 23/12/1996; Trương Trần Gia H1, sinh ngày 24/01/2002 và Trương Trần Bảo

H2, sinh ngày 09/6/2007, hiện các con đang sống chung với vợ chồng; bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Bảo H2, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con; riêng cháu H và Gia H1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trương Quốc V không có bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Ngọc T khởi kiện ông Trương Quốc V có địa chỉ tại thành phố Vĩnh Long để yêu cầu xin ly hôn và nuôi con; cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về hôn nhân và gia đình "*Ly hôn, nuôi con"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Trương Quốc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng ông V vẫn cố tình vắng mặt, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc T, Hội đồng xét xử thấy: Bà T và ông Trương Quốc V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã V (này là phường T, thành phố V), tỉnh Vĩnh Long ngày 14/11/2007, nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm; vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, ông V có tính gia trưởng thường xuyên chửi mắng bà, nên vợ chồng đã ly thân 02 năm nay. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo cho ông V biết việc bà T xin ly hôn nhưng ông V không có ý kiến phản đối. Như vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông V đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông V là có cơ sở chấp nhận phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Bà T, ông V chung sống có 03 con chung tên Trương Trần Trung H, sinh ngày 23/12/1996; Trương Trần Gia H1, sinh ngày 24/01/2002 và Trương Trần Bảo H2, sinh ngày 09/6/2007, hiện các con đang sống chung với vợ chồng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông V đều vắng mặt và cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Do đó, nhằm để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con, nên giao cháu Bảo H2 cho bà T nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của cháu Bảo H2, phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Riêng hai cháu H và Gia H2 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Ngọc T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Trần Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Ngọc T. Bà T được ly hôn với ông Trương Quốc V.

**2. Về con chung**:

Giao con chung tên Trương Trần Bảo H2, sinh ngày 09/6/2007 cho bà Trần Ngọc T nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con trẻ khi cần thiết có thể thay đổi quyền nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đối với hai cháu Trương Trần Trung H và Trương Trần Gia H1 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

**3. Về tài sản chung và nợ chung**: Bà Trần Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Buộc bà Trần Ngọc T chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002056, ngày 05/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, nên bà T không phải nộp thêm.

**5. Về quyền kháng cáo**: Báo cho bà Trần Ngọc T biết, được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Quốc V được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh VL;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA TPVL;
- Các đ/s.
- Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; (số 97, ngày 14/11/2007)
- Lưu: Hồ sơ,…

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
*(Đã ký)*

**Võ Tấn Thành**